

Số: 2381 /PBHC-HĐQT
V/v kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC & SỞ GD&ĐT TP HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Tên tổ chức: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP

Mã chứng khoán: DPM

Trụ sở chính: 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 - 3825 6258; Fax: 028- 3825 6269

Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thế Vinh

Chức vụ: Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) công bố thông tin về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty:

Ngày 27/12/2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua Nghị quyết về việc phê duyệt và giao Kế hoạch Sản xuất, Kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty, với các chỉ tiêu kế hoạch theo Phụ lục đính kèm.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS;
- Ban: NCPT-TT;
- Lưu: VT, VP HĐQT (TTV).

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Trương Thế Vinh



Phụ lục:

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022 của PVFCCo

1. Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất			
1.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	828,0	
1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	165,0	
1.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0	
1.3	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	12,8	
1.4	NH3 sản xuất bán thương mại	Nghìn tấn	70,0	
2	Sản lượng kinh doanh			
2.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	800,0	
2.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	165,0	
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0	
2.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	8,5	
2.5	NH3	Nghìn tấn	70,0	
2.6	Phân bón khác	Nghìn tấn	234,0	
2.7	CO2	Nghìn tấn	50,0	
2.8	Hóa chất khác	Nghìn tấn	0,668	



2. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.059
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.130
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	945
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	286
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu đồng/người/tháng	587

7.e

3. Kế hoạch Công ty mẹ

a. Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.895
	Trong đó: Vốn điều lệ/vốn điều lệ bình quân	Tỷ đồng	3.914
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.767
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.101
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	927
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	%	11,7
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (*)	%	15,0
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,37
9	Nộp NSNN	Tỷ đồng	267

(*) Tỷ lệ chia cổ tức là tạm tính trên cơ sở giá khí giả định cho sản xuất Đạm Phú Mỹ. Giá khí/cước phí vận chuyển khí cho sản xuất Đạm Phú Mỹ năm 2022 sẽ được chính xác hóa sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt/ chấp thuận.

b. Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	252,6
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	105,3
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	147,3
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	252,6
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	252,6
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	252,6
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	252,6
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

20
